

TỔNG CÔNG TY VIWASEEN  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC  
-----o0o-----



ISO 9001 - 2008

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

## QUÝ II/2018



*TP, Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>247,040,027,997</b>	<b>245,014,046,717</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>62,107,108,753</b>	<b>37,194,703,296</b>
1. Tiền	111		62,107,108,753	37,194,703,296
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>		<b>30,637,500,000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			30,637,500,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>149,052,874,669</b>	<b>163,888,995,515</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	90,138,754,282	104,995,378,307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	45,556,652,060	46,648,382,530
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5</b>	18,046,185,475	16,933,951,826
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.6</b>	(4,688,717,148)	(4,688,717,148)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>34,073,557,817</b>	<b>12,577,089,945</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.7</b>	34,449,842,229	12,953,374,357
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(376,284,412)	(376,284,412)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,806,486,758</b>	<b>715,757,961</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.12</b>	742,557,245	715,757,961
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,063,929,513	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>253,137,594,961</b>	<b>235,118,808,228</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24,612,603,919</b>	<b>25,838,901,807</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.9</b>	<b>22,729,634,819</b>	<b>23,892,932,707</b>
- Nguyên giá	222		57,444,835,355	57,782,390,372
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(34,715,200,536)	(33,889,457,665)
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.10</b>	<b>1,882,969,100</b>	<b>1,945,969,100</b>
- Nguyên giá	228		3,226,969,100	3,226,969,100
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,344,000,000)	(1,281,000,000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>62,531,362,559</b>	<b>64,327,006,691</b>
- Nguyên giá	231		113,201,470,636	113,201,470,636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(50,670,108,077)	(48,874,463,945)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52,202,483,039</b>	<b>31,161,754,286</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<b>V.8</b>	52,202,483,039	31,161,754,286
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>113,415,473,111</b>	<b>113,415,473,111</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		98,147,830,000	98,147,830,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12,000,000,000	12,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4,487,946,475	4,487,946,475
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,220,303,364)	(1,220,303,364)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>375,672,333</b>
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		375,672,333
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>500,177,622,958</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>285,453,634,741</b>	<b>241,634,408,874</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>225,513,571,535</b>	<b>193,790,678,250</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	43,644,743,646	43,702,866,254
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	33,367,496,812	38,896,100,558
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3,216,121,021	4,249,075,895
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1,085,662,273	3,107,871,604
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	37,740,594,919	43,429,655,231
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	56,864,992,117	24,587,798,751
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	39,321,471,132	27,153,254,574
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	4,595,270,000	6,206,355,325
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.21	5,677,219,615	2,457,700,058
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>59,940,063,206</b>	<b>47,843,730,624</b>
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.19c		10,835,090
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19d	5,677,449,661	5,736,576,933
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	16,963,088,961	16,459,183,277
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	37,299,524,584	25,637,135,324
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>214,723,988,217</b>	<b>238,498,446,071</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>214,710,079,969</b>	<b>238,484,537,823</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		132,000,000,000	132,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132,000,000,000	132,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9,639,328,147	9,639,328,147
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(30,000)	(30,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31,551,588,751	31,551,588,751
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41,519,193,071	65,293,650,925
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34,129,547,938	47,203,388,118
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		7,389,645,133	18,090,262,807
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>13,908,248</b>	<b>13,908,248</b>
1. Nguồn kinh phí	431		13,908,248	13,908,248
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>500,177,622,958</b>	<b>480,132,854,945</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Mận

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Nguyễn Quốc Tuấn

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2018  
 Tổng Giám đốc  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)  


Nguyễn Duy Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018		Năm 2017	
			Quý 2/2018	Lũy kế	Quý 2	Lũy kế
1	2	3	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111,784,635,399	178,758,819,002	62,724,091,468	100,221,360,488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2		-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		111,784,635,399	178,758,819,002	62,724,091,468	100,221,360,488
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	99,651,808,423	155,145,633,074	50,538,297,770	78,030,425,927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12,132,826,976	23,613,185,928	12,185,793,698	22,190,934,561
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	266,685,192	1,188,848,077	705,312,396	1,199,492,384
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	651,570,869	1,458,642,005	528,644,992	815,993,763
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		651,570,869	1,415,255,435	473,017,719	760,366,490
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	245,302,388	317,491,831	249,767,902	437,872,403
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	2,291,630,045	5,571,720,937	2,412,487,047	7,153,588,580
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9,211,008,866	17,454,179,232	9,700,206,153	14,982,972,199
11. Thu nhập khác	31	VI.6	50,848,233	131,774,893	347,997,846	458,217,950
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	1,350,000	143,346,985	536,987,789
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		50,848,233	130,424,893	204,650,861	(78,769,839)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9,261,857,099	17,584,604,125	9,904,857,014	14,904,202,360
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.12	1,872,211,966	3,549,061,979	2,099,954,808	3,105,081,134
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7,389,645,133	14,035,542,146	7,804,902,206	11,799,121,226
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		560	1,063	591	894
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Nguyễn Thị Mận*

Nguyễn Thị Mận

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Nguyễn Quốc Tuấn*

Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Duy Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018		Năm 2017	
		Quý 2	Lũy kế	Quý 2	Lũy kế
1	2	4	5	6	7
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	102,870,230,225	169,373,227,123	89,023,079,398	167,158,036,923
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(64,442,074,730)	(107,880,007,484)	(26,708,271,763)	(68,239,570,078)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2,730,311,390)	(7,858,247,816)	(2,957,285,040)	(10,331,761,898)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(646,694,969)	(1,409,550,114)	(439,754,367)	(760,366,763)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1,251,000,000)	(2,324,184,269)	(997,544,450)	(997,544,450)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	16,243,551,772	28,548,273,665	5,244,975,260	10,119,888,297
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(49,145,674,955)	(91,941,967,422)	(42,268,912,365)	(76,201,164,532)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>898,025,953</b>	<b>(13,492,456,317)</b>	<b>20,896,286,673</b>	<b>20,747,517,499</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13,149,633,112)	(13,710,698,691)	(2,211,402,001)	(2,877,189,748)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	-	227,203,636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10,000,000,000)	(43,000,000,000)	(43,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10,000,000,000	40,637,500,000	26,000,000,000	26,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	(4,000,000,000)	(20,630,020,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	264,043,556	1,184,832,286	659,052,902	678,364,570
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2,885,589,556)</b>	<b>18,111,633,595</b>	<b>(22,552,349,099)</b>	<b>(39,601,641,542)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	67,302,280,106	99,051,221,369	26,606,505,393	50,342,453,377
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(48,589,015,508)	(78,712,252,194)	(37,338,839,655)	(55,060,392,039)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3,918,750)	(3,918,750)	(19,053,977,600)	(19,058,523,350)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>18,709,345,848</b>	<b>20,335,050,425</b>	<b>(29,786,311,862)</b>	<b>(23,776,462,012)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>16,721,782,245</b>	<b>24,954,227,703</b>	<b>(31,442,374,288)</b>	<b>(42,630,586,055)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>45,383,762,184</b>	<b>37,194,703,296</b>	<b>35,624,109,357</b>	<b>46,764,230,925</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1,564,324	(41,822,246)	45,503,368	93,593,567
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>62,107,108,753</b>	<b>62,107,108,753</b>	<b>4,227,238,437</b>	<b>4,227,238,437</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*Nguyễn Thị Mận*

Nguyễn Thị Mận

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*Nguyễn Quốc Tuấn*

Nguyễn Quốc Tuấn



Nguyễn Duy Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>* Tiền mặt (VND)</b>	<b>937,511,834</b>	<b>1,379,591,197</b>
- Văn phòng công ty	471,343,404	717,895,312
- Trung Tâm Kinh Doanh	175,896,025	511,499,000
- Chi Nhánh Dakmil	290,272,405	150,196,885
<b>* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</b>	<b>19,169,596,919</b>	<b>14,386,567,824</b>
<b>a- Văn phòng công ty</b>	<b>18,726,985,052</b>	<b>14,281,459,864</b>
- Ngân hàng BIDV - CN SGD 2	2,583,329,916	7,480,800,774
- Ngân hàng VIETBANK - Cộng hòa	123,555,063	
- Ngân hàng TM CP Hàng Hải Việt Nam	61,121,000	237,758,648
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN I	8,497,641,760	4,761,135,968
- Ngân hàng TMCP Công Thương CN I - Bình Hưng		48,970,398
- Ngân hàng TMCP Công Thương CN I - CT Cà Mau	304,970,491	615,829,252
- NH TMCP Công Thương - CT CN Buôn ma thuật và 3 thị trấn	231,561,886	516,986,009
- Ngân hàng TMCP Công Thương CT gói XL 5 - Quận 2	6,309,213,880	2,354,927
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Gói ống gang	368,679,665	368,218,610
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (174,92 EUR)	4,660,743	9,725,170
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV) (10,347.36 USD)	237,161,491	234,647,571
- Ngân hàng Công Thương CN I TP.HCM ( 222.04 USD)	5,089,157	5,032,537
<b>b- Trung tâm kinh doanh</b>	<b>403,400,500</b>	<b>49,980,398</b>
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	403,400,500	49,980,398
<b>c- Chi Nhánh Dakmil</b>	<b>39,211,367</b>	<b>55,127,562</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV)	39,211,367	55,127,562
<b>* Các khoản tương đương tiền</b>	<b>42,000,000,000</b>	<b>21,428,544,275</b>
- TG tiết kiệm VND tại NH VIETBANK - Cộng hòa (Kỳ hạn 02 tháng)	10,000,000,000	
- Tiền gửi tiết kiệm VND tại NH TMCP Công Thương Việt Nam CN I TP.HCM (Kỳ hạn 01 tháng)	32,000,000,000	21,428,544,275
<b>Cộng</b>	<b>62,107,108,753</b>	<b>37,194,703,296</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng (kỳ hạn từ 3 tháng trở lên)

- Ngân hàng TMCP Công Thương

**Cộng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	-	-	30,637,500,000	30,637,500,000
			30,637,500,000	30,637,500,000
<b>Cộng</b>			<b>30,637,500,000</b>	<b>30,637,500,000</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

**\* Đầu tư vào công ty con**

- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi (95,000 CP) (95%)

- Cty CP Tư vấn và Cấp nước Đồng Nam Á - Mekong Rạch Giá (tỷ lệ góp vốn là 89,75%)

**\* Đầu tư vào công ty Liên doanh - liên kết**

Công ty CP cấp nước Gia Tân

**\* Đầu tư vào đơn vị khác**

- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 15

- Công ty CP XD Cấp Thoát Nước 12

- Công ty Điện Nước An Giang

- Công ty CP Khoan Và XL Cấp Thoát Nước

**Cộng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	98,147,830,000	98,147,830,000	98,147,830,000	98,147,830,000
	29,175,000,000	29,175,000,000	29,175,000,000	29,175,000,000
	68,972,830,000	68,972,830,000	68,972,830,000	68,972,830,000
	12,000,000,000	12,000,000,000	12,000,000,000	12,000,000,000
	12,000,000,000	12,000,000,000	12,000,000,000	12,000,000,000
	4,487,946,475	3,267,643,111	4,487,946,475	3,267,643,111
	1,220,303,364	-	1,220,303,364	-
	1,400,000,000	1,400,000,000	1,400,000,000	1,400,000,000
	1,521,000,000	1,521,000,000	1,521,000,000	1,521,000,000
	346,643,111	346,643,111	346,643,111	346,643,111
<b>Cộng</b>	<b>114,635,776,475</b>	<b>113,415,473,111</b>	<b>114,635,776,475</b>	<b>113,415,473,111</b>

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**\* Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

- Cty CP XD TM An Xuân Thịnh-HD 01/2016 gói F1

- Công ty TNHH TM và CN B.A.C.A.U

- DA Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn - DLCW-01

- BQLDA CT Mộc Bài, Tây Ninh

- Những khách hàng khác- Công trình khác

**Cộng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	90,138,754,282	104,995,378,307	90,138,754,282	104,995,378,307
	6,106,316,710	9,024,498,527	6,106,316,710	9,024,498,527
	8,554,382,290	8,554,382,290	8,554,382,290	8,554,382,290
	6,902,858,147	6,902,858,147	6,902,858,147	6,902,858,147
	3,991,791,903	3,991,791,903	3,991,791,903	3,991,791,903
	64,583,405,232	78,703,223,209	64,583,405,232	78,703,223,209
<b>Cộng</b>	<b>90,138,754,282</b>	<b>104,995,378,307</b>	<b>90,138,754,282</b>	<b>104,995,378,307</b>

11/11/2016





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	790,554,910	376,284,412	766,706,583	376,284,412
- Công cụ, dụng cụ	38,396,969		40,121,419	
- Chi phí SX KD dở dang	31,946,925,024		10,468,578,939	
- Thành phẩm	24,473,055		24,473,055	
- Hàng hóa	1,643,814,271		1,648,426,361	
- Hàng gửi bán	5,678,000		5,068,000	
<b>Cộng</b>	<b>34,449,842,229</b>	<b>376,284,412</b>	<b>12,953,374,357</b>	<b>376,284,412</b>

**8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN****\* Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án khu phức hợp Q9 - HCM	6,348,520,236	5,164,364,011
- Trung tâm trưng bày vật tư - và VP làm việc (dự án khu C)	45,767,972,163	23,478,330,417
- Dự án ĐTXD 3 nhà ở liên kế tại số 93 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu	85,990,640	2,519,059,858
<b>Cộng</b>	<b>52,202,483,039</b>	<b>31,161,754,286</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>16,349,203,732</b>	<b>9,799,137,062</b>	<b>14,348,957,953</b>	<b>16,775,752,070</b>	<b>57,273,050,817</b>
- Mua trong kỳ				86,150,000	86,150,000
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XD CB hoàn thành	184,146,972				184,146,972
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				98,512,434	98,512,434
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16,533,350,704</b>	<b>9,799,137,062</b>	<b>14,348,957,953</b>	<b>16,763,389,636</b>	<b>57,444,835,355</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>4,171,705,818</b>	<b>4,263,264,413</b>	<b>10,732,317,678</b>	<b>14,920,992,241</b>	<b>34,088,280,150</b>
- Khấu hao trong kỳ	169,861,662	102,662,667	317,712,361	135,196,130	725,432,820
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				98,512,434	98,512,434
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4,341,567,480</b>	<b>4,365,927,080</b>	<b>11,050,030,039</b>	<b>14,957,675,937</b>	<b>34,715,200,536</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu kỳ	12,177,497,914	5,535,872,649	3,616,640,275	1,854,759,829	23,184,770,667
2. Tại ngày cuối kỳ	12,191,783,224	5,433,209,982	3,298,927,914	1,805,713,699	22,729,634,819

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

**232,601,643**

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Trị giá thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>	76,969,100		3,150,000,000		3,226,969,100
- Mua trong kỳ					
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	76,969,100		3,150,000,000		3,226,969,100
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu kỳ</b>			1,312,500,000		1,312,500,000
- Khấu hao trong kỳ			31,500,000		31,500,000
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối kỳ</b>			1,344,000,000		1,344,000,000
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu kỳ	76,969,100		1,837,500,000		1,914,469,100
2. Tại ngày cuối kỳ	76,969,100		1,806,000,000		1,882,969,100

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không.

**11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>* Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	113,201,470,636	-		113,201,470,636
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	113,201,470,636			113,201,470,636
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	49,772,286,011	897,822,066		50,670,108,077
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	49,772,286,011	897,822,066		50,670,108,077
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại</b>	63,429,184,625	-		62,531,362,559
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất	63,429,184,625			62,531,362,559
- Cơ sở hạ tầng				

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 62.531.362.559 đồng.

- Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 9.103.462.759 đồng.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****\* Chi phí trả trước ngắn hạn**

- Chi phí chờ phân bổ

**Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
742,557,245	715,757,961
742,557,245	715,757,961
<b>742,557,245</b>	<b>715,757,961</b>

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****\* Vay ngắn hạn**

- Vay cán bộ công nhân viên

- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam

- Ngân hàng Công Thương - CN I

**Cộng**

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10,518,667,232	-	381,709,360	381,709,360
28,802,803,900	10,518,667,232	9,783,303,258	9,783,303,258
<b>39,321,471,132</b>	<b>28,802,803,900</b>	<b>16,988,241,956</b>	<b>16,988,241,956</b>
	<b>39,321,471,132</b>	<b>27,153,254,574</b>	<b>27,153,254,574</b>

**\* Vay dài hạn**

- Ngân hàng Công Thương - DA NMN Đak mil

- Ngân hàng Công Thương - DA Khu C

**Cộng**

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
4,841,012,615	4,841,012,615	5,591,012,615	5,591,012,615
32,458,511,969	32,458,511,969	20,046,122,709	20,046,122,709
<b>37,299,524,584</b>	<b>37,299,524,584</b>	<b>25,637,135,324</b>	<b>25,637,135,324</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****\* Phải trả người bán ngắn hạn**

- Speedlink Technology Limited

- Công ty TNHH TM NTP

- Cty TNHH Hoá Nhựa Đệ Nhất

- Cty CP TM Hoa Lư

- Các khách hàng khác

**Cộng**

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
8,554,070,385	8,554,070,385	8,554,070,385	8,554,070,385
414,979,969	414,979,969	2,230,331,840	2,230,331,840
398,709,639	398,709,639	3,179,347,602	3,179,347,602
34,276,983,653	34,276,983,653	2,273,936,123	2,273,936,123
<b>43,644,743,646</b>	<b>43,644,743,646</b>	<b>27,465,180,304</b>	<b>27,465,180,304</b>
		<b>43,702,866,254</b>	<b>43,702,866,254</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phò Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

\* Người mua trả tiền trước gần bạn

- BQLDA VSMT HCM - Gói thầu XL05 - Quận 2
- Tổng Cty Dầu tư PT nhà và Đô Thị (HUD) XL 2-15
- DA Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn - DLCW-01
- Các khách hàng khác

**Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
33,367,496,812	38,896,100,558
24,787,982,372	24,787,982,372
387,186,600	387,186,600
8,192,327,840	7,698,627,000
<b>33,367,496,812</b>	<b>6,022,304,586</b>
	<b>38,896,100,558</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

- Thuế GTGT phải nộp
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất
- Thuế tài nguyên
- Thuế TNCN
- Thuế bảo vệ môi trường
- Phí dịch vụ môi trường rừng

**Cộng**

Số cuối kỳ	Số đầu năm
42,376,064	2,978,629,707
1,747,428,125	522,550,415
684,491,096	
3,818,449	3,362,495
705,698,529	705,886,429
20,889,714	18,781,081
11,419,044	19,865,768
<b>3,216,121,021</b>	<b>4,249,075,895</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>		
- Lương phải trả công nhân viên	1,085,662,273	3,107,871,604
<b>Cộng</b>	<b>1,085,662,273</b>	<b>3,107,871,604</b>
<b>18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ</b>		
<b>* Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>37,740,594,919</b>	<b>43,429,655,231</b>
- Trích trước chi phí công trình và giá vốn hàng bán	37,740,594,919	43,429,655,231
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả		
<b>Cộng</b>	<b>37,740,594,919</b>	<b>43,429,655,231</b>
<b>19. PHẢI TRẢ KHÁC</b>		
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>56,864,992,117</b>	<b>24,587,798,751</b>
- Kinh phí Công đoàn	499,123,745	472,017,335
- Bảo hiểm xã hội+YT+TN		
- Các khoản phải trả khác	56,365,868,372	24,115,781,416
<b>Cộng</b>	<b>56,864,992,117</b>	<b>24,587,798,751</b>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>16,963,088,961</b>	<b>16,459,183,277</b>
- Tổng Công ty phát triển nhà và đô thị - dự án quận 9	5,837,572,099	5,837,572,099
- Khách hàng đặt cọc thuê văn phòng + phải trả khác	11,125,516,862	10,621,611,178
<b>Cộng</b>	<b>16,963,088,961</b>	<b>16,459,183,277</b>
<b>c) Phải trả nội bộ dài hạn</b>		<b>10,835,090</b>
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)		10,835,090
<b>Cộng</b>		<b>10,835,090</b>
<b>d) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>	<b>5,677,449,661</b>	<b>5,736,576,933</b>
- Công ty TNHH TM DV Kỹ thuật D&B	3,598,168,889	3,639,768,889
- Các công ty khác	2,079,280,772	2,096,808,044
<b>Cộng</b>	<b>5,677,449,661</b>	<b>5,736,576,933</b>
<b>20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ</b>		
<b>* Ngắn hạn:</b>		
-Trích dự phòng 17% quỹ lương năm 2018		1,611,085,325
-Trích lập CP sửa chữa nâng cấp tại VP cho thuê năm 2018	4,595,270,000	4,595,270,000
<b>Cộng</b>	<b>4,595,270,000</b>	<b>6,206,355,325</b>
<b>21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI</b>		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,677,219,615	2,457,700,058
<b>Cộng</b>	<b>5,677,219,615</b>	<b>2,457,700,058</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6	
A	1	2	3	4	5	6	
<b>Số dư cuối quý 4/2017</b>	<b>132,000,000,000</b>	<b>9,639,328,147</b>	<b>31,551,588,751</b>	<b>(30,000)</b>	<b>65,293,650,925</b>	<b>238,484,537,823</b>	
- Tăng vốn trong quý 1/2018							
- Lãi trong quý							
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong quý							
- Lỗ trong quý							
- Giảm khác (*)							
<b>Số dư cuối quý 1/2018</b>	<b>132,000,000,000</b>	<b>9,639,328,147</b>	<b>31,551,588,751</b>	<b>(30,000)</b>	<b>71,939,547,938</b>	<b>245,130,434,836</b>	
- Tăng vốn trong quý 2/2018							
- Lãi trong quý							
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong quý							
- Lỗ trong quý							
- Giảm khác (*)							
<b>Số dư cuối quý 2/2018</b>	<b>132,000,000,000</b>	<b>9,639,328,147</b>	<b>31,551,588,751</b>	<b>(30,000)</b>	<b>41,519,193,071</b>	<b>214,710,079,969</b>	

Ghi chú: (\*) Chi tiết các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018 gồm:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,500,000,000
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	310,000,000
- Cò tức năm 2017 phải trả cho các cổ đông (bao gồm Tổng Cty VIWASEEN)	33,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>37,810,000,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

<b>b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của công ty mẹ	60%	79,200,000,000	79,200,000,000
- Vốn góp của đối tượng khác	40%	52,800,000,000	52,800,000,000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>132,000,000,000</b>	<b>132,000,000,000</b>

<b>c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	132,000,000,000	132,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	132,000,000,000	132,000,000,000
<b>- Cổ tức lợi nhuận đã chia</b>	33,000,000,000	13,200,000,000

<b>d/ Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>13,200,000</b>	<b>13,200,000</b>
<b>- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng</b>	<b>13,200,000</b>	<b>13,200,000</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	13,200,000	13,200,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
<b>- Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	3	3
+ Cổ phiếu ưu đãi		
<b>- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>13,199,997</b>	<b>13,199,997</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	13,199,997	13,199,997
+ Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

<b>e/ Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31,551,588,751</b>	<b>31,551,588,751</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	31,551,588,751	31,551,588,751

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>* Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	10,569.40	10,574.90
- EUR	174.92	358.57

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	29,598,418,223
- Doanh thu cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ khác	13,159,144,091
- Doanh thu SX công nghiệp (SX nước sạch)	1,072,233,777
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	67,954,839,308
<b>Cộng</b>	<b>111,784,635,399</b>

<b>2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Hàng bán bị trả lại	
<b>Cộng</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

<b>3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	28,930,186,749
- Giá vốn của dịch vụ cho thuê VP, DV đã cung cấp khác	6,435,333,448
- Giá vốn của SX nước sạch	721,069,198
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	63,565,219,028
<b>Cộng</b>	<b>99,651,808,423</b>
<b>4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức được chia	265,120,868
- Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,564,324
<b>Cộng</b>	<b>266,685,192</b>
<b>5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Lãi tiền vay	651,570,869
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
<b>Cộng</b>	<b>651,570,869</b>
<b>6. THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Quý 2/2018</b>
<b>Cộng</b>	<b>50,848,233</b>
<b>7. CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Chi phí khác	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>
<b>8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Quý 2/2018</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	148,122,932
- Các khoản chi phí bán hàng khác	97,179,456
<b>Cộng</b>	<b>245,302,388</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	2,004,372,599
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	58,407,954
- Thuế và lệ phí	51,748,484
- Hoàn nhập Chi phí dự phòng 17% quỹ lương trích 2017	(1,611,085,325)
- Chi phí thù lao HĐQT	272,828,580
- Các khoản chi phí QLDN khác	1,515,357,753
<b>Cộng</b>	<b>2,291,630,045</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)***Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.*

<b>9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1,872,211,966
<b>Cộng</b>	<b>1,872,211,966</b>
<b>10. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	272,828,580
<b>Cộng</b>	<b>272,828,580</b>
<b>11. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM</b>	<b>Quý 2/2018</b>
- Tổng lợi nhuận trước thuế	9,261,857,099
- Các khoản điều chỉnh tăng	99,202,730
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	9,361,059,829
- Thuế TNDN phải nộp (20%)	1,872,211,966
<i>Hoạt động Bất động sản</i>	-
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	1,872,211,966
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	7,389,645,133

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)***Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.***VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG****1- Giao dịch giữa các bên liên quan:***Trong quý 2/2018, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:*

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ cho thuê VP	34,960,711
		Bù trừ công nợ tổng VIWASEEN	22,994,633
- Công ty CP TV & Cấp nước Đông Nam Á Mêkông - Rạch Giá	Công ty con	Giá trị quyết toán thi công xây dựng	5,385,247,825
		Cho thuê xe ô tô	79,200,000

*Số dư các khoản công nợ phải trả với các bên có liên quan như sau:*

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam (Viwaseen)	Công ty mẹ	-	10,835,090

*Số dư các khoản công nợ phải thu với các bên có liên quan như sau:*

- Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Nhà Địa Lợi	Công ty con	5,443,638,343	5,443,638,343
- Công ty CP TV & Cấp nước Đông Nam Á Mêkông - Rạch Giá (phải thu CT HTCN Nam rạch giá)	Công ty con	8,440,710,748	5,291,342,887

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**2. Báo cáo bộ phận****2.1- Báo cáo bộ phận:** Bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

**a- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:** Lĩnh vực kinh doanh gồm đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình (cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình dân dụng - công nghiệp...), lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực dịch vụ (tư vấn thiết kế).

**b- Bộ phận theo khu vực địa lý:** Toàn lãnh thổ Việt Nam.

**2.2- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Thi công xây lắp	Kinh doanh bất động sản	Sản xuất nước sạch, kinh doanh khác	Cho thuê văn phòng	Kinh doanh vật tư hàng hóa	Tổng
<b>A- Kết quả</b>						
<b>1- Doanh thu thuần</b>	<b>67,954,839,308</b>	-	<b>1,072,233,777</b>	<b>13,159,144,091</b>	<b>29,598,418,223</b>	<b>111,784,635,399</b>
<b>2- Chi phí</b>	<b>63,565,219,028</b>		<b>721,069,198</b>	<b>6,435,333,448</b>	<b>28,930,186,749</b>	<b>99,651,808,423</b>
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	63,565,219,028		721,069,198	6,435,333,448	28,930,186,749	99,651,808,423
- Chi phí lãi vay						
<b>3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4,389,620,280</b>		<b>351,164,579</b>	<b>6,723,810,643</b>	<b>668,231,474</b>	<b>12,132,826,976</b>
<b>B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận</b>	<b>271,270,452,681</b>	<b>81,377,483,039</b>	<b>81,365,674,121</b>	<b>62,531,362,559</b>	<b>3,632,650,558</b>	<b>500,177,622,958</b>
<b>C- Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>265,542,180,095</b>	<b>5,837,572,099</b>	<b>137,741,233</b>	<b>11,125,516,862</b>	<b>2,810,624,452</b>	<b>285,453,634,741</b>
<b>D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ</b>						
<b>E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước</b>	<b>454,256,301</b>		<b>396,320,223</b>	<b>993,367,372</b>	<b>48,080,169</b>	<b>1,892,024,065</b>
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	445,970,814		252,554,052	897,822,066	26,907,954	1,623,254,886
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước	8,285,487		143,766,171	95,545,306	21,172,215	268,769,179

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)**

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

**3- Công cụ tài chính****a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30/06/2018	Ngày 31/12/2017	Ngày 30/06/2018	Ngày 31/12/2017	Ngày 30/06/2018	Ngày 31/12/2017
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	62,107,108,753	37,194,703,296			62,107,108,753	37,194,703,296
- Phải thu của khách hàng	90,138,754,282	104,995,378,307	(4,688,717,148)	(4,688,717,148)	85,450,037,134	100,306,661,159
- Phải thu ngắn hạn khác	18,046,185,475	16,933,951,826			18,046,185,475	16,933,951,826
<b>Cộng</b>	<b>170,292,048,510</b>	<b>159,124,033,429</b>	<b>(4,688,717,148)</b>	<b>(4,688,717,148)</b>	<b>165,603,331,362</b>	<b>154,435,316,281</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Vay và nợ ngắn hạn	39,321,471,132	27,153,254,574			39,321,471,132	27,153,254,574
- Phải trả người bán	43,644,743,646	43,702,866,254			43,644,743,646	43,702,866,254
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	56,864,992,117	24,587,798,751			56,864,992,117	24,587,798,751
- Chi phí phải trả	37,740,594,919	43,429,655,231			37,740,594,919	43,429,655,231
- Phải trả dài hạn nội bộ	-	10,835,090			-	10,835,090
- Phải trả dài hạn khác	16,963,088,961	16,459,183,277			16,963,088,961	16,459,183,277
<b>Cộng</b>	<b>194,534,890,775</b>	<b>155,343,593,177</b>			<b>194,534,890,775</b>	<b>155,343,593,177</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

---

### **b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

#### **b.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

##### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

##### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

##### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

#### **b.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của công ty chủ yếu là các Công ty cấp nước lớn của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực cấp thoát nước, ngoài ra các công trình công ty đang thi công nguồn vốn thanh toán chắc chắn nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít. Tuy nhiên cũng có một số công trình vướng về mặt bằng thi công dẫn đến thời gian thi công kéo dài, chi phí đầu vào biến động, lãi vay tăng cao.

##### ***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Công ty chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn thanh toán đảm bảo để tránh trường hợp thi công xong công trình nhưng chủ đầu tư không có nguồn vốn để thanh toán.

##### ***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

### b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Tại 30/06/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	62,107,108,753		62,107,108,753
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108,184,939,757		108,184,939,757
Đầu tư ngắn hạn			
Đầu tư dài hạn		113,415,473,111	113,415,473,111
Tài sản tài chính khác			
<b>Tổng cộng</b>	<b>170,292,048,510</b>	<b>113,415,473,111</b>	<b>283,707,521,621</b>
<b>Tại 31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37,194,703,296		37,194,703,296
Phải thu khách hàng và phải thu khác	121,929,330,133		121,929,330,133
Đầu tư ngắn hạn	30,637,500,000		30,637,500,000
Đầu tư dài hạn		113,415,473,111	113,415,473,111
Tài sản tài chính khác			
<b>Tổng cộng</b>	<b>189,761,533,429</b>	<b>113,415,473,111</b>	<b>303,177,006,540</b>

### b.4 Tài sản đảm bảo

\* Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:

Đến ngày 30/06/2018, Công ty có các tài sản thế chấp sau:

**Tại BIDV - CN SGD2: Hợp đồng thế chấp :**

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 415/2016/62599/HĐBĐ ngày 22/07/2016.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 416/2016/62599/HĐBĐ ngày 22/07/2016.

**Tài sản thế chấp:**

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng"
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn
- Dàn giáo Coppha

**Giá trị ghi sổ của tài sản:**

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 62.531.362.559 đ.
- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn: 0 đ.
- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn: 232.601.643 đ.
- Dàn giáo Coppha: 0 đ

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Địa chỉ: Số 10 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

## Giá trị thế chấp của tài sản:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất "Nhà điều hành sản xuất và cho thuê văn phòng 13 tầng": 61.796.000.000 đ.

- Xe cầu tự hành bánh lốp 40 tấn: 619.000.000 đ

- Cầu tháp cố định có trọng tải lớn nhất 10 tấn: 814.000.000 đ

- Dàn giáo Copphe: 0 đ

**Mục đích thế chấp:** Vay vốn ngắn hạn + bảo lãnh

**Tại Vietinbank - CN1: Hợp đồng thế chấp :**

- HĐ thế chấp bất động sản số 060/2016/HĐTC/NHCT902-WASECO ngày 24/03/2016 để vay vốn trung hạn thực hiện dự án nâng công suất hệ thống cấp nước Đăk Mil từ 1.000 m3/ngày, đêm lên 2.500 m3/ngày, đêm.

**Tài sản thế chấp:** Giá trị tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với quyền SD đất đối với hai thửa đất số 578 và 579, tờ bản đồ số 02 tại thị trấn Đăk Mil, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông

- HĐ thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai số 041/2017/HĐTC/NHCT902-WASECO ngày 28/06/2017 để vay vốn trung hạn thực hiện dự án đầu tư trung tâm trưng bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO.

- HĐ thế chấp bất động sản hình thành trong tương lai số 042/2017/HĐTC/NHCT902-WASECO ngày 28/06/2017 để vay vốn trung hạn thực hiện dự án đầu tư trung tâm trưng bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO.

- HĐ thế chấp quyền tài sản hình thành trong tương lai số 043/2017/HĐTC/NHCT902-WASECO ngày 28/06/2017 để vay vốn trung hạn thực hiện dự án đầu tư trung tâm trưng bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO.

**Tài sản thế chấp:**

- Giá trị bất động sản hình thành trong tương lai: dự án đầu tư trung tâm trưng bày vật tư, văn phòng làm việc và cho thuê WASECO: 134.596.000.000 đ.

\* Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác: Không phát sinh.

## 4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính quý 2/2018 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Mận

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Quốc Tuấn

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Duy Hùng

